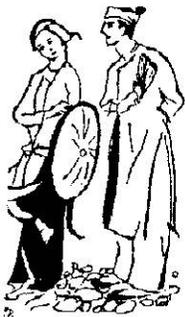


Ca Ngợi Vợ Việt Nam



Ca dao có câu:

“Chàng ơi đưa gói thiếp mang,

Đưa gươm thiếp vác cho chàng đi không”

Cái ông chồng này sướng thật. Được vợ thương quá trời. Có cây gươm mang lè kè, thì chắc cũng có luyện tập thân thể, cũng là thứ vai u thịt bắp, đầu phải là thứ thư sinh trói gà không chặt mà phải cần bà vợ òm yếu mang gói vác gươm giúp. Đưa gươm thiếp vác, chứng tỏ nàng chẳng mạnh khỏe gì, cầm cây gươm không nổi, phải vác lên vai, thế mà cũng dành phần nặng, hy sinh cho chàng được thông dong đi không.

Thử tưởng tượng một dáng trượng phu khỏe mạnh thông dong bước, tay không, mà leo đèo theo sau một cái thiếp liễu yếu đào tơ, ỉ ạch vác gươm mang hành trang nặng trĩu. Thì biết cái tình thương không bến bờ của người vợ hiền đối với chồng. Mà có lẽ không một dáng tu mi nam tử nào, biết múa võ cầm gươm, mà để cho vợ gánh vác hết mà đi không, không nhột nhạt với thiên hạ. Nhưng lời của nàng nói lên, để biết là sẵn sàng hy sinh, chịu hết cực khổ, khó khăn, miễn cho chàng được khỏe khoắn, nhẹ nhàng. Đó là hình ảnh của người vợ Việt Nam qua ca dao. Cũng trong ca dao, tình yêu thầm thiết của người vợ, dù cho lúc hoạn nạn, cũng một lòng thương yêu:

“Đi đâu cho thiếp theo cùng,

Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp cam”

Dù sướng, dù cực, cũng một lòng chung thủy. Không phải

mới thấy sa cơ thì đã trở mặt, nặng lời. Có lẽ tổ tiên Việt Nam, trên bước đường khai phá miền Nam, đã có những người vợ thật hiền, hiền hơn “ma xơ”, để cùng khai hoang vỡ đá, lập nên ruộng vườn, làng mạc, truyền nối cho con cháu về sau. Câu chuyện Hòn Vọng Phu cũng chỉ là ngụ ngôn, nói lên lòng kiên trinh của người hiền phụ trông mong chồng về, bồng con chờ, chờ mãi đến hóa đá, khi thành đá thì cũng vẫn ngóng ra biển trông chồng. Hòn Vọng Phu, như một câu chuyện tiên tri, báo trước điềm cho những người chồng biệt lập ra đi vào biển Đông vào cuối thế kỷ 20. Kể đến bến bờ, người chôn bụng cá. Những hiền phụ vẫn trông ngóng đợi chờ. Trong hơn 50 năm qua, trong tập thể thế giới, đông đảo nhất vẫn là những người vợ Việt Nam, một mình chăm sóc gia đình, gánh hết trách nhiệm nuôi con, chờ chồng. Những người chồng mãi mê trong cuộc chiến dài ngày. Chiến tranh Pháp Việt, Nam Bắc phân ly. Nam Bắc chiến tranh và sau 1975 vẫn mãi mãi chiến tranh, tù đày, bôn tẩu. Không có người đàn bà của một quốc gia nào chịu nhiều phân ly, thiệt thòi và đau khổ bằng những người vợ Việt Nam trong nửa thế kỷ qua. Không phải chỉ 50 năm thôi, trước nữa, khi tiếng súng thần công của tàu Pháp ầm ì nổ vào kinh thành Huế, vua Hàm Nghi chạy về chiến khu Tân Sở cuối thế kỷ trước. Thì sĩ phu đã theo tiếng gọi của hịch Cần Vương ra đi, những người vợ Việt Nam cũng đã mòn mỏi trông chồng, quán xuyến gia đình, nuôi cha

mẹ chồng già yếu, chăm sóc dạy dỗ đàn con. Sau khi Pháp đã đặt nền đô hộ vững vàng, thì lớp sĩ phu bất khuất lại bốn tấu xuất dương theo phong trào Đông Du. Điển hình nhất là cụ Phan Bội Châu. Cụ ông ra đi. Cụ Bà nhắc nhủ: "Ông cứ yên tâm lo việc lớn, mọi sự ở nhà đã có tôi gánh vác". Cụ Bà chăm dạy con cái, phụng dưỡng cha mẹ chồng. Có khi đến vài chục năm mới gặp lại cụ Ông, theo như lời khốc kể trong điệu vãn, khi cụ bà mất. Một mình cụ bà tần tảo chất bó, không những thế, cụ bà không hề hé một lời than. Chính cụ Phan cũng nói rằng, theo đuổi được chí lớn cũng nhờ có bà đảm đang, hy sinh. Vào buổi thất quốc đó, không phải một mình cụ bà Phan Bội Châu đã thay chồng "nuôi già, dạy trẻ", lo lắng kinh tế, mà hầu như đa số các bà, lấy chồng có chút chữ nghĩa thánh hiền, lấy cố không hợp tác với Tây, bỏ ngang thi cử, bất đắc chí, cấp dù đi quanh bàn bạc, thỉnh thoảng cùng bạn bè tụ họp ăn uống, kêu vợ bắt gà, mua rượu. Các cụ bà ngoài việc chăm sóc đồng áng, chăn nuôi gia súc, buôn bán, dệt cửi, để kiếm tiền nuôi con, chống đỡ gia đình, còn phải cung cấp tiền bạc cho chồng, để các cụ ông qua lại cùng nhau. Khi thì ngâm thơ, khi thì bàn bạc thời thế. Và kết quả là không ít cụ bị mật thám Tây điểm chỉ, nghi ngờ có liên lạc với cách mạng hải ngoại, mà có là cái chắc, bị bắt đi tù, đày. Người vợ Việt Nam còn phải khổ hơn, hơn ba hơn để lo bới xách cho chồng, lo lắng chạy chọt cho giảm năm tù tội. Không ít

bà cùng hoàn cảnh với bà Tú Xương:

"Cái cò lặn lội bờ sông,

*Gánh gạo đưa chồng tiếng
khóc nỉ non"*

để ông chồng dong ruổi, bất đắc chí, làm thơ ngông nghênh khinh thế ngạo đời.

Khi Pháp trở lại Việt Nam, định đặt lại nền đô hộ sau đệ nhị thế chiến, toàn dân đứng lên chống Pháp giành độc lập. (Không phải chỉ có một mình Cộng sản là chống Pháp) Những người chồng Việt Nam theo tiếng gọi non sông ra đi. Những người vợ Việt Nam ở lại hậu tuyến, thành thị, làm ăn nuôi con. Thời đó, trong thành phố tôi ở, đa số bạn bè tôi đều không có cha. Chỉ có mẹ tảo tần siêng năng nuôi con ăn học. Nhiều bà mẹ, một mình nuôi năm sáu đứa con thơ. Ngoài việc nuôi cơm, còn phải chăm sóc việc học hành. Những đứa con lớn lên, thành người hữu dụng trong xã hội, đa số đều tốt nghiệp đại học. Những bà mẹ của bạn tôi đó, nuôi con, chờ chồng, chờ từ 1945 đến 1975. Để thấy chồng trở về, chưa kịp vui thì đã buồn, vì người chồng đã thay đổi cách suy nghĩ, tâm tính và nói những lời xa lạ, thiếu chân thành. Những lời hoàn toàn thiếu vắng sự thật được nói ra một cách dễ dàng, không ngượng ngịu. Lòng kính trọng sụp đổ, niềm tin đổ vỡ. Nhưng người vợ kiên trinh chờ chồng 30 năm đó, chỉ đắng cay im lặng chịu đựng. Chế độ độc tằm chân tình, hủy hoại sự thật trong lòng người. Tội nghiệp thay cho những hy sinh, mong chờ của người vợ Việt Nam trong ba mươi năm

ròng rã. Dù chồng đi lạc hướng, vẫn mong có ngày đổi thay.

Tôi biết một bà, trong thời chiến tranh Pháp Việt, chồng bị mật thám Pháp nghi ngờ phải trốn vào chiến khu. Bà thương chồng, nhớ chồng, hỏi thiên hạ chiến khu ở đâu. Người ta chỉ những dãy núi xanh thẳm cao bên kia bờ sông Hương. Thế là bà khăn gói ra đi, đi sâu vào núi rừng. Đi mãi đi mãi. Bằng hết núi này qua núi nọ, tìm chồng. Đi đến đâu, hỏi thăm đến đó. Rừng núi, chiến khu thì mông mênh. Đi mãi, băng qua đèo Hải Vân, đi dọc Trường Sơn. Đêm đi ngày nghỉ để tránh máy bay Pháp. Đi xuống tận miền Nam tỉnh Quảng Ngãi thì tìm được chồng đang sản xuất trà lậu trong một vùng núi xa xôi, để bán cho dân chúng dùng. Cộng sản không thể tin dùng một người từ thành phố trốn vào chiến khu. Hai vợ chồng vất vả kiếm sống, nâng đỡ nhau, cho đến năm 1954, đình chiến, phân đôi đất nước, mới trở về thành phố. Có người hỏi sao gan dạ đi vào núi không sợ sao? Bà trả lời, thương và nhớ chồng quá, thì đâu có sợ gì hiểm nguy.

Trong thời chiến tranh Bắc Nam, có những người vợ lính theo chồng, nay tiền đồn này, mai tiền đồn khác, leo đèo đi theo chăm sóc, nuôi nấng, sống tạm bợ trong các trại gia binh, không quản nề hiểm nguy. Đêm đêm chịu pháo kích, tấn công của địch từ ngoài vòng rào. Cuộc sống dù khó khăn, thiếu thốn tiện nghi, nguy hiểm, nhưng như ca dao:

"Lấy chồng thì phải theo

chồng,

*Chồng đi hang rần hang
rồng cũng theo”.*

Cũng không hiếm trường hợp, những người vợ lính đã vùi thây trong lửa đạn, khi những đồn trại thất thủ. Nhưng thương chồng, thì đâu quản ngại nguy hiểm, gian nan. Tôi được biết một chị, chồng là trung úy Thủy Quân Lục Chiến, đi theo chồng ngay cả khi hành quân. Chị mang áo quần trận, giày đinh, nón sắt, súng ống, và cũng tác chiến bên chồng, tấn công xung kích, hoặc chống trả các đợt xung kích địch, cũng đi bộ, băng rừng vượt suối, lội sinh, ăn cơm gạo sáy. Chị bảo rằng để chia xẻ gian nan cùng chồng.

Khi miền Nam thất trận, những người chồng phải làm thân tội đồ, bị giam cầm, hành hạ. Xã hội đổi thay bật gốc rễ. Chưa bao giờ trong lịch sử, bằng giai đoạn này, những người vợ Việt Nam, chúng tỏ lòng hy sinh vô bờ bến, tình thương tràn đầy và sức chịu đựng bền bỉ, không suy sòn. Người Cộng sản Miền Bắc, dù đã được nung nấu nhồi nhét chủ nghĩa, đã pha hận thù, lệnh lạc vào phán đoán cũng đã khâm phục những người vợ lặn lội nuôi chồng cải tạo, xông xáo nuôi con trong thời buổi khó khăn cùng cực. Tưởng những khó khăn của bà Tú Xương, bà Phan Bội Châu cũng khó sánh được, khi chủ nghĩa vô sản, bản cùng hóa nhân dân, đang được cố tình áp đặt. Sinh hoạt kinh tế xã hội đảo ngược. Mọi người như bị bó tay chân bằng cái biện pháp kinh tế khắt khe. Tôi thấy vợ một người bạn, phải

lặn lội tần tảo nuôi đàn con 6 đứa, tôi không hiểu làm sao chúng có thể sống còn qua thời buổi kinh tế đó. Những lần đi qua nhà, bên trong đồ đạc trống rỗng, đàn con của chị xanh xao, mắt trắng, nét mặt mệt nhọc vì đói, thiếu ăn. Lòng tôi đau xót thương con bạn, cũng không làm được gì để giúp đỡ, vì chính bản thân tôi, dù khỏe mạnh, cũng đang vô phương vùng vẫy, cũng đang cùng cực khó khăn. Những khi mua được ổ bánh mì tại sở, đem về nhà định để dành cho hôm sau, đi qua nhà bạn, thấy những con mắt thêm khát của các cháu nhìn bám chặt lên ổ bánh. Lòng tôi dù có nguội lạnh sắt đá đến mấy, cũng không thể giữ khúc bánh mì lại cho mình. Tặng ổ bánh cho các cháu, và tôi cay mắt nghẹn ngào thì thấy nỗi vui mừng hớn hở trên những khuôn mặt thơ ngây đói ăn. Đôi khi, tôi chợt nghĩ, nếu tôi phải nuôi nấng vài đứa con trong thời buổi đó, thì có lẽ tôi cũng cùng các con uống thuốc chuột mà thoát nợ đời. Nuôi miệng, nuôi con đã khó khăn, còn phải nuôi chồng trong tù. Phải dành dụm để bới xách, tiếp tế lương thực, nếu không thì chồng cũng suy dinh dưỡng mà chết trong tù. Một lần bới xách là phải đi xe dò, xe lam, xe thồ, đi bộ, băng rừng lội suối, nhọc nhằn, chịu đủ thứ mưa, nắng, sinh lây. Đến chỉ được gặp vài giờ, để thấy chồng tàn tạ, xác xơ, rách rưới, người anh hùng lữ vận nào cũng tiều tụy, suy tàn. Không vì vậy mà tình thương yêu sa sút trong lòng những người vợ Việt Nam, tình nghĩa càng thêm đậm thắm, mặn

mà. Nhiều anh thấy vợ thăm nuôi cực khổ thương quá, nói rằng muốn chết quách cho vợ con đỡ khổ, khỏi phải lặn lội thăm nuôi. Đi nuôi chồng cải tạo tại các nhà tù miền Bắc còn cay đắng, cam go hơn nhiều. Đi về gần cả tháng trường, ngủ bụi ngủ bờ, ăn uống đủ thứ lung tung, và gồng gánh, di chuyển cực khổ như thời cha ông vài trăm năm cũ. Tốn kém không kể xiết. Có khi phải dành dụm vài năm, cộng thêm vay mượn mới đủ một lần thăm nuôi. Dù khó khăn đến mấy, dù có năm núi mười sông cũng vượt đi thăm chồng, để thấy mặt chồng, để tiếp tế lương thực cứu chồng khỏi chết vì suy dinh dưỡng. Tình thương yêu cao cả, thiêng liêng, đầy hy sinh, quên mình những người vợ Việt Nam, trái tim đúc bằng ngọc quý, trang trải tình yêu bao la như biển rộng sông dài, cho người chồng thất cơ lỡ vận. Tình yêu đó, phải được ngợi ca, tuyên dương, ghi nhận.

Tôi cũng được biết một chị khác, Cộng sản tuyên truyền bảo, nếu đi kinh tế mới thì chồng được mau về từ trại cải tạo. Để cứu chồng, chị ẵm con bỏ phố ra đi. Đến khu kinh tế mới Bàu Cá, đi chém đá, phá rừng làm rẫy, phải cùng con ăn lá cầm hơi. Chị vào rừng đẵn củi, khoảng một giờ khuya gánh hai bõ củi chạy ra quốc lộ, đi đêm để tránh du kích chặn bắt, gánh đến quốc lộ thì cũng đã 4 giờ sáng, nằm ngủ bên bó củi chờ xe đò miền Trung. Xuống xe bên kia cầu xa lộ, gánh củi về hàng Xanh bán. Có khi một vài ngày chưa bán được, dầm mưa dãi nắng, ngủ giữa trời, nhịn ăn nhịn

uống. Được chút tiền thì mua gạo về nấu cháo cho con. Nhiều khi bị công an tịch thu, phải tay không ra về. Đói khát, nhọc nhằn, cơ cực, như là bao nhiêu khổ ải của trần gian gom lại, trút xuống trên đầu những người đàn bà yếu đuối, thương chồng, thương con. Chị nấn ná sống lây lất nhiều năm trong vùng kinh tế mới, vì vẫn hy vọng nhờ đó mà chồng được sớm về.

Tình thương chồng đầy ắp trong tim những người vợ Việt Nam, khi xa cái nhớ nhung. Thời trước, nhiều chị muốn được thấy mặt chồng, từ tận sương lấy xe đò Saigon - Tây Ninh, vào rừng Tây Ninh ẩn nấp trong bụi rậm, chờ chồng đi lao động từ trại tù ra, để thấy được chồng đi qua, dù thoáng chốc, rồi ra về. Các chị rủ nhau đi đông, làm lộ chuyện, một đạo Cộng sản phải dọa dẫm tù nhân, nếu bắt được vợ của ai, thì người sẽ bị kỷ luật.

Một chị khác, tìm cách bắt liên lạc được với cai tù, được gọi là cán bộ cải huấn, cho nó đồng hồ, xe đạp, để nó tiếp tế thực phẩm cho chồng chị. Cuối cùng tên cán bộ cải huấn trở thành tay sai của ông tù nhà giàu. Nhiều đêm, ông tù nhớ vợ nhớ con, bảo tên cai tù nhỏ: "Anh buồn quá, chú đi kiếm cho anh xì để uống". Thế là tên cai tù lọc cọc đạp xe, băng đường rừng, xuống phố đập cửa tiệm mua rượu, đem về giấu trong áo, cho tù nhân uống. Chị vợ ra tận ngoài Hà Nội biểu xén, hời lộ, và cuối cùng anh được về. Chị xếp đặt cho cả gia đình đi vượt biên, tìm tự do.

Một chị khác, nhà ở quận 3,

mà ngày xưa không dám xuống Saigon một mình, sợ lạc, sợ mẹ mìn. Đi đâu thì có gia đình đưa đón. Lấy chồng thì được chồng lo trăm chuyện, chưa hề phải làm lụng một nhọc. Thế mà khi chồng đi cải tạo, không có tiền dự trữ, chị đem 3 đứa con ra Long Thành, cuốc đất đồi, làm rẫy, trồng khoai, trồng sắn, trồng bắp, đậu, cắt chồi lá, nuôi con thằm chồng. Chị làm việc rầy nường giỏi như cô thôn nữ, sinh trưởng từ đồng quê. Dậy sớm cuốc đất từ khi mặt trời chưa mọc, làm đất cho đến khi tối thắm mịt mù. Những đêm trắng sáng, chị cuốc rẫy cho đến khuya. Thế mà cũng nuôi nổi ba con và nuôi cả chồng tù đầy trong năm năm tròn. Khoai sắn, cháo rau, mẹ con áp ủ nhau qua ngày, còn để dành phần bới xén cho tù. Trong lúc thất cơ lỡ vận đó, có tên cán bộ ngày xưa là sinh viên tranh đấu, trồng cây tại sân nhà chị, đề nghị chị về lại Saigon, nó kiếm công việc làm ăn cho chị. Chị gạt ngay, chối từ, bởi mang ân nó thì chỉ có trả bằng sự phản bội chồng mà thôi. Chị đành chịu khổ cực lam lũ, để bảo vệ tình yêu thương chồng con. Người chồng, mà khi đi tù cải tạo về, tuổi chưa đầy 40 mà đầu tóc bạc phất phơ, miệng mồm móm mém, thân thể gầy còm. "Dù anh có thể nào đi nữa, tình thương trong lòng em vẫn mãi mãi đậm đà, không bao giờ suy yếu", chị nói với chồng.

Trên đường đào thoát tìm tự do, hai vợ chồng núp trong rừng chồi, du kích cùng công an lùng kiếm, chị vợ dù bị thương ở chân, cũng cố gắng

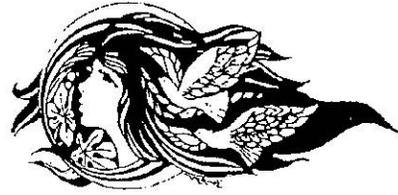
chạy ra dưới làn đạn, đánh lạc hướng cho chồng được an toàn tẩu thoát. Như con chim mẹ giả vờ bị thương, dẫn con thú dữ đi xa tổ có đàn con ẩn nấp. Lòng hy sinh cho chồng, trong mỗi tấm lòng vợ Việt Nam, dào dạt như nước nguồn, tràn đầy như sông bể. Trên chiếc thuyền trôi dạt nhiều ngày giữa đại dương mông mênh, đói, khát, ngất lịm, người vợ vẫn nhường giọt nước cuối cùng cho chồng, miếng ăn cuối cùng cũng cất dấu riêng cho chồng, hy sinh thân mình. Khi thuyền đắm, cũng buông tay nhường phao cho chồng, cho con. Lòng hy sinh đó, chỉ là vợ Việt Nam mới có được.

Tôi cũng quen biết nhiều bà vượt biển đến Mỹ, làm thợ một ngày 12 đến 14 tiếng, quần quật ngày đêm, để dành tiền gửi về Việt Nam cho chồng kiếm đường ra đi. Làm việc không kể đến sức khỏe, không mua sắm áo quần sơn phấn, cắm cúi làm việc, một lòng chờ đợi, chờ đợi mãi.

Những tấm lòng quý báu của người vợ Việt Nam, vẫn còn mãi, giữ mãi trong truyền thống, trong huyết quản, dù đất bằng đã nổi sóng, dù chủ thuyết gian tà, dù chế độ bạo tàn, dối trá, cũng không thay đổi được tấm lòng trung hậu hiền lương, vẫn không làm mờ đục trái tim bằng ngọc, tình thương bằng núi cao sông rộng.

Tôi ngợi ca vợ Việt Nam, ngợi ca số đông, với tầm lòng thương yêu thánh thiện. Tôi không nói đến một thiểu số vợ Việt Nam lạc loài, luôn luôn dẫn vật chồng, tìm cách làm khổ người bạn đường, như là mục tiêu duy nhất của cuộc

Ngày đó...



Mây giăng qua phố dốc
Gợi nhớ trong hồn thương
Néo đời cơn bão lốc
Chia rẽ ta đôi đường

Ngày xưa em mắt ngọc
Ru hồn người yêu đương
Chưa xe tơ kết tóc
Đã nặng nghĩa vô thường

Khi đời ta khổ nhọc
Em đến như nước dưng
Rửa người tim đau nhức
Môi em lời hiền lương

Cảm ơn em ngày đó
Anh mơ thấy thiên đường
Mỗi chiều vàng nắng đỏ
Đưa em về phố sương
Như đất trời tao ngộ
Như chấp lời yên ương
Dấu chưa thành duyên nợ
Trong tim khoảng mê cuồng

Đưa em qua biển nhớ
Anh thả mộng trời vương
Đêm xưa hồ than thở

Một lần — rồi ngàn thương
Quê nhà em khốn khổ
Anh thao thức đêm trường
Biển dâu đời phần số
Ảnh nhạt nhòa trong gương

Anh tin còn gặp gỡ
Hai đứa dù ngàn phương
Năm châu đường gót rổ
Bốn biển trùng tai ương
Hẹn hò nhau ngày đó
Tay trong tay mê cuồng

Thơ nhà như rượu ngấm
Giấy thơm mùi hương tay
Lời thơ anh uống say
Ngày tha hương trở ấm
Hạnh phúc ôi đong đầy
Hồn lâng lâng theo mây.

Như quay về tiền kiếp
Áo trắng vương chân bay
Cây si dài trở nhánh
Xanh tươi còn hôm nay
Tình yêu xưa thần thánh.

Tràm Cà Mau

sống. Tôi không đề cập đến một số lạc loài khác, mở miệng là thống trách chồng, đổ mọi thứ tội lỗi mà chồng chưa bao giờ phạm phải, sẵn sàng trợn mang phùng mắt, đòi bỏ nhau, ly thân, ly dị, sẵn sàng phun lời đau độc như nước sôi dội lên mặt chồng.

Vợ Việt Nam, muôn đời đáng được ngợi ca. Những tấm lòng hy sinh không bờ bến, những tình thương dằm thắm bền chặt, những nhẫn nại, chịu khó, không quản ngại khó khăn, không so đo. Suốt một đời, quên mình, cho chồng, cho con. Nếu có ai hỏi

tại sao vợ Việt Nam chọn con đường thương yêu, hy sinh làm chuẩn đích cho cuộc sống, thì tôi trả lời rằng vì họ có trái tim bằng chất ngọc.

**California 1991
Tràm Cà Mau**